CÔNG TY TNHH MOÓC PATEC VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MOÓC PATEC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MOOC PATEC VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110753905

3. Ngày thành lập: 17/06/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Chương Chanh, Thôn 3, Xã Phượng Cách, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0933777387* Fax:

Email: *ctytnhhpatec@gmail.com* Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	*9529*
2.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	*9610*
3.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	*9620*
4.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	*9631*
5.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	*9639*
6.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	*9700*
7.	Trồng lúa	*0111*
8.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	*0112*
9.	Trồng cây lấy củ có chất bột	*0113*
10.	Trồng cây mía	*0114*
11.	Trồng cây lấy sợi	*0116*
12.	Trồng cây có hạt chứa dầu	*0117*
13.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	*0118*
14.	Trồng cây hàng năm khác	*0119*
15.	Trồng cây ăn quả	*0121*
16.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	*0122*
17.	Trồng cây điều	*0123*
18.	Trồng cây hồ tiêu	*0124*
19.	Trồng cây cao su	*0125*
20.	Trồng cây cà phê	*0126*

21.	Trồng cây chè	*0127*
22.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	*0128*
23.	Trồng cây lâu năm khác	*0129*
24.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	*0131*
25.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	*0132*
26.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	*0141*
27.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	*0142*
28.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	*0144*
29.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	*0145*
30.	Chăn nuôi gia cầm	*0146*
31.	Chăn nuôi khác	*0149*
32.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	*0150*
33.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	*0161*
34.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	*0162*
35.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	*0163*
36.	Xử lý hạt giống để nhân giống	*0164*
37.	Săn bắt, đánh bẫy và hoạt động dịch vụ có liên quan	*0170*
38.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	*0210*
39.	Khai thác gỗ	*0220*
40.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	*0231*
41.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	*0232*
42.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	*0240*
43.	Khai thác thuỷ sản biển	*0311*
44.	Khai thác thuỷ sản nội địa	*0312*
45.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	*0321*
46.	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	*0322*
47.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	*1010*
48.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	*1020*
49.	Chế biến và bảo quản rau quả	*1030*
50.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	*1040*
51.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	*1050*
52.	Xay xát và sản xuất bột thô	*1061*
53.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	*1062*
54.	Sản xuất các loại bánh từ bột	*1071*
55.	Sản xuất đường	*1072*
56.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	*1073*
57.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	*1074*
58.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	*1075*
59.	Sản xuất chè	*1076*

60.	Sản xuất cà phê	*1077*
61.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	*1079*
62.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	*1410*
63.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	*1420*
64.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	*1430*
65.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	*1511*
66.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	*1512*
67.	Sản xuất giày, dép	*1520*
68.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	*1610*
69.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	*1621*
70.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	*1622*
71.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	*1623*
72.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	*1629*
73.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	*1701*
74.	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa	*1702*
75.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	*1709*
76.	In ấn (Trừ loại nhà nước cấm)	*1811*
77.	Sao chép bản ghi các loại	*1820*
78.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	*2910*
79.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	*2920(Chính)*
80.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	*2930*
81.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	*3011*
82.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	*3012*
83.	Sản xuất mô tô, xe máy	*3091*
84.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	*3092*
85.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	*3099*
86.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	*3100*
87.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	*3211*
88.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	*3212*
89.	Sản xuất nhạc cụ	*3220*
90.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	*3230*
91.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	*3240*
92.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	*3250*
93.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	*3290*

94.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	*3311*
95.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
96.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	*3313*
97.	Sửa chữa thiết bị điện	*3314*
98.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	*3315*
99.	Sửa chữa thiết bị khác	*3319*
100.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	*3320*
101.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
102.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*
103.	Xây dựng công trình đường sắt	*4211*
104.	Xây dựng công trình đường bộ	*4212*
105.	Xây dựng công trình điện	*4221*
106.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	*4222*
107.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	*4223*
108.	Xây dựng công trình công ích khác	*4229*
109.	Xây dựng công trình thủy	*4291*
110.	Xây dựng công trình khai khoáng	*4292*
111.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	*4293*
112.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299*
113.	Phá dỡ Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	*4311*
114.	Chuẩn bị mặt bằng Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	*4312*
115.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
116.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
117.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
118.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
119.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
120.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	*4511*
121.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ đấu giá)	*4512*
122.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	*4513*
123.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	*4520*
124.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	*4530*

125.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đấu giá)	*4541*
126.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	*4542*
127.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đấu giá)	*4543*
128.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	*4610*
129.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược)	*4649*
130.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	*4662*
131.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
132.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
133.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*
134.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	*4781*
135.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	*4782*
136.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	*4783*
137.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	*4784*
138.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	*4785*
139.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm: -Hoạt động của đấu giá viên,-Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;-Bán lẻ tem và tiền kim khí;)	*4789*
140.	Vận tải hành khách đường sắt	*4911*
141.	Vận tải hàng hóa đường sắt	*4912*
142.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	*4921*
143.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	*4922*
144.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	*4929*
145.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	*4931*
146.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	*4932*

147.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)	*4933*
148.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	*5210*
149.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	*5221*
150.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	*5222*
151.	Bốc xếp hàng hóa	*5224*
152.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	*5225*
153.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	*5229*
154.	Bưu chính	*5310*
155.	Chuyển phát	*5320*
156.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	*5510*
157.	Cơ sở lưu trú khác	*5590*
158.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	*5610*
159.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	*5621*
160.	Dịch vụ ăn uống khác	*5629*
161.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ kinh doanh dịch vụ quán bar, karaoke, vũ trường)	*5630*
162.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;	*6619*
163.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	*6810*
164.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản. - Tư vấn bất động sản - Quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Trừ hoạt động đấu giá)	*6820*
165.	Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)	*7310*
166.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ hoạt động thám tử)	*7320*
167.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	*7410*
168.	Cho thuê xe có động cơ (Trừ loại nhà nước cấm)	*7710*
169.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	*7721*

170.	Cho thuê băng, đĩa video	*7722*
171.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	*7729*
172.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Trừ loại nhà nước cấm)	*7730*
173.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Loại trừ hoạt động của Trung tâm giới thiệu việc làm)	*7810*
174.	Cung ứng lao động tạm thời	*7820*
175.	Đại lý du lịch	*7911*
176.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế	*7912*
177.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	*8110*
178.	Vệ sinh chung nhà cửa	*8121*
179.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	*8129*
180.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	*8130*
181.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	*8211*
182.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	*8219*
183.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	*9511*
184.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	*9512*
185.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	*9521*
186.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	*9522*
187.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	*9523*
188.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	*9524*

6. Vốn điều lệ: 1.300.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	HOÀNG VĂN PHƯƠNG	Việt Nam	Thôn Tuy Lai, Xã Minh Khai, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	100.000.000	7,700	034087011456	
2	NGUYỄN VĂN HOÃN	Việt Nam	Thôn Trân Tảo, Xã Phú Thị, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.200.000.000	92,300	033087001164	

8. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: NGUYỄN VĂN HOÃN Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *11/07/1987* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *033087001164*

Ngày cấp: *18/09/2022* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Trân Tảo, Xã Phú Thị, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Trân Tảo, Xã Phú Thị, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội